TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **77**/2025/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 29 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số: 342/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Thái Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 93/1 ấp A xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Văn Đ: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh B (nay là xã Đ, tỉnh V).

- *Bị đơn*: Ông Thái Văn Q, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 109/1, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1980; địa chỉ: số nhà 93/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh B (nay là xã Đ, tỉnh V).

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1971; địa chỉ: số nhà 93/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V).

+ Ông Lê Văn P, sinh năm: 1959; địa chỉ: số nhà 29/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về trách nhiệm dân sự: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thái Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M - ông Nguyễn Minh C và bị đơn ông Thái Văn Q thống nhất thỏa thuận như sau:

- Ông Thái Văn Q có nghĩa vụ giao trả cho ông Thái Văn Đ phần đất có diện tích 168,5 m^2, gồm: diện tích 167,2 m^2 (ký hiệu 13a) và diện tích 1,3 m^2 (ký hiệu 13d) thuộc một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ số 31, tọa lạc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Thái Văn Q tự nguyện đốn chặt, di dời các cây trồng (chuối, v.v…) và công trình kiến trúc có trên đất để giao trả phần đất nêu trên cho ông Thái Văn Đ. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Thái Văn Q không yêu cầu ông Thái Văn Đ bồi thường các cây trồng và vật kiến trúc trên đất.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục Họa đồ hiện trạng thửa đất số 113, 100 tờ bản đồ số 31, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 26 - Vĩnh Long) kèm theo.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Thái Văn Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Thái Văn Q về việc yêu cầu ông Q giao trả phần diện tích 109,11 m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ số 31, tọa lạc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Thái Văn Đ đồng ý không có tranh chấp phần đất diện tích 2,1 m^2 (ký hiệu 13e) và diện tích 16,1 m^2 (ký hiệu 13b), đồng ý việc ông Thái Văn Q được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích phần đất diện tích 2,1 m^2 (ký hiệu 13e) và diện tích 16,1 m^2 (ký hiệu 13b) thuộc một phần thửa đất số 113, tờ bản đồ số 31, tọa lạc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V).

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục Họa đồ hiện trạng thửa đất số 113, 100 tờ bản đồ số 31, xã A, huyện T, tỉnh B (nay là xã A, tỉnh V) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 26 - Vĩnh Long) kèm theo.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Thái Văn Q xin rút yêu cầu phản tố đối với ông Thái Văn Đ về việc yêu cầu mở lối đi đối với phần đất có diện tích 1.4 m^2 (ký hiệu 113d) thuộc một phần thửa 113, tờ bản đồ số 31, toạ lạc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B(nay là xã A, tỉnh V).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị M đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn Đ và không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B thống nhất lời trình bày của ông Thái Văn Q, không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P đã có lời khai không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- Ghi nhận việc các đương sự đồng ý kết quả đo đạc, xem xét thẩm định, định giá mà Tòa án đã thực hiện.

2.2 Về chi phí tố tụng là 8.438.800 đồng ông Thái Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 150.000 nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0000894 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thạnh Phú (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long) nên ông Thái Văn Đ được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long được hoàn trả 150.000 đồng còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Cẩm Nhung